

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 190/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: 1/ Chị **Nguyễn Thúy P1**, sinh năm 1974.

2/ Chị **Nguyễn Ngọc H1**, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: ấp K, xã L, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: 1/ Ông **Đặng Văn H2**, sinh năm 1958.

2/ Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: ấp K, xã L, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh **Đặng Văn S**, sinh năm 1983.

2/ Anh **Đặng Văn T2**, sinh năm 1988.

3/ Anh **Đặng Văn L**, sinh năm 1985.

4/ Anh **Đặng Văn D1**, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: ấp K, xã L, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đặng Văn D1: Ông **Nguyễn Quang D2** – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long.

5/ Chị **Đặng Thị Thúy N**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

6/ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Thành H3** – Chức vụ: Chi cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Văn P2** – Chức vụ: Chi cục phó – Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/9/2023).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận phần đất theo đo đạc tách thửa 70-1 tờ bản đồ 32, diện tích 106,2m², mục đích sử dụng ONT+CLN, tọa lạc ấp K, xã L, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long (Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Ô cung cấp ngày 05/7/2023) thuộc quyền sử dụng của anh Đặng Văn D1 và chị Đặng Thị Thúy N.

Công nhận phần đất thuộc thửa 70-2, tờ bản đồ 32, diện tích 2.692,5m², mục đích sử dụng ONT+CLN, tọa lạc ấp K, xã L, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long (Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Ô cung cấp ngày 05/7/2023) thuộc quyền sử dụng của ông Đặng Văn H2 và bà Nguyễn Thị T1.

Ông Đặng Văn H2, bà Nguyễn Thị T1, anh Đặng Văn D1 và chị Đặng Thị Thúy N có quyền, nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về chi phí khảo sát đo đạc, định giá: Tổng số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Chị Nguyễn Thúy P1 và chị Nguyễn Ngọc H1 có nghĩa vụ nộp 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) nhưng chị P1 và chị H1 đã nộp tạm ứng nên được khấu trừ.

Ông Đặng Văn H2, bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ nộp số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) nhưng chị Nguyễn Ngọc H1 đã nộp tạm ứng chi phí chi phí đo đạc, định giá nên ông H2, bà T1 có nghĩa vụ trả lại cho chị H1 số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Văn H2, bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí công nhận quyền sử dụng đất.

Anh Đặng Văn D1, chị Đặng Thị Thúy N có nghĩa vụ nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí công nhận quyền sử dụng đất nhưng anh D1, chị N thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn toàn bộ.

Trả lại cho chị Nguyễn Thúy P1 số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014652 ngày 21/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ô.

Trả lại cho chị Nguyễn Ngọc H1 số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014653 ngày 21/6/2022 tại Chi cục

thi hành án dân sự huyện Ô.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Ô;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga